

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1176/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Dương;
- Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 617/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 535/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Hoàng Ngọc L, sinh ngày 31/10/1987; căn cước công dân số 079187020274 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/02/2021 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, Đường B, ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc: Số B, Đường D, tổ G, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Q, sinh ngày 22/3/1984; căn cước công dân số 079084001479 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2024 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Đường B, ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Hoàng Ngọc L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 Quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 01/6/2007. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bà thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, ông Q hay uống rượu bia về đánh đập bà, chửi bà thậm tệ, không có tiếng nói chung. Ông Q không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí Q.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/11/2009. Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc N hiện đang sống cùng bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc N, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Chí Q vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Hoàng Ngọc L trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí Q. Về con chung: Bà xác nhận bà và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/11/2009. Tại thời điểm mở phiên tòa, trẻ T đã thành niên. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc N, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Hoàng Ngọc L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí Q nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ

tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Đ a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Chí Q đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Chí Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 Quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 01/6/2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà L thì sau kết hôn giữa bà và ông Q đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bà thường cãi nhau, tính tình không hợp. Ông Q hay nhậu, đánh đập bà, chửi bà thậm tệ. Ông Q không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Chí Q.

Ông Q đã được Tòa án triệu tập nhưng ông không đến tòa. Ông Q cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông Q là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà L và ông Q có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/8/2007 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/11/2009. Bà L trình bày hiện trẻ N đang sống cùng bà. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao con chung Nguyễn Ngọc N cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L tạm thời không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Nguyễn Chí Q vắng mặt tại phiên tòa. Nếu ông Q có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Xét trình bày của Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Hoàng Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Hoàng Ngọc L là được ly hôn với ông Nguyễn Chí Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 Quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 01/6/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

Bà Võ Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Chí Q có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/8/2007 (đã thành niên) và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/11/2009. Giao trẻ Nguyễn Ngọc N cho bà Võ Hoàng Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Nguyễn Chí Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Võ Hoàng Ngọc L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0064415 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã B, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy